TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI XHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Thị Hải Âu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh;
2. Bà Hoàng Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L - sinh năm 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Vi Văn T – sinh năm 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 14/2/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị L trình bày: Chị và anh Vi Văn T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có hai con chung là cháu Vi Thị Hoài N, sinh ngày 08/11/2007; cháu Vi Thị Hoài T1, sinh ngày 03/07/2012. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh Vi Văn T là do hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên dùng vũ lực đánh đập vợ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vi Văn T.Về con chung: Các cháu đang ở cùng anh Vi Văn T nên chị L đồng ý để hai cháu Vi Thị Hoài N, sinh ngày 08/11/2007; Vi Thị Hoài T1, sinh ngày 03/07/2012 cho anh T nuôi dưỡng chăm sóc các cháu đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vi Văn T trình bày: Anh T thống nhất với lời khai của chị Hoàng Thị L về quan hệ hôn nhân và con chung; tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, vợ anh đã bỏ đi làm ăn, không quan tâm đến nhau nữa, hiện cả hai đã sống ly thân. Tuy nhiên hiện nay anh chưa đồng ý ly hôn với chị L; Về con chung: Nếu tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Thị Hoài N và Vi Thị Hoài T1; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đăk Nông, ban tự quản Thôn A, xã Đ cung cấp thông tin: Vợ chồng chị L, anh T có mâu thuẫn và chị L đã bỏ đi làm thuê ở tỉnh D, thỉnh thoảng mới về. Chị L, anh T không nhờ Ban tự quản thôn hòa giải cơ sở.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị L có đơn xin giải quyết vắng măt. Bị đơn anh Vi Văn T mặc dù đã được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng măt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Hoàng Thị L đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Giao hai cháu Vi Thị Hoài N, sinh ngày 08/11/2007; cháu Vi Thị Hoài T1, sinh ngày 03/07/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao y chứng thực); Bản sao giấy khai sinh các cháu Vi Thị Hoài N, Vi Thị Hoài T1; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao y chứng thực); Căn cước công dân của chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T (Bản sao y chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn (chị Hoàng Thị L) yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Vi Văn T nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Vi Văn T) có nơi cư trú tại Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: chị Hoàng Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Vi Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T kết hôn năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, HĐXX xét thấy chị L và anh T đều đã vi phạm nguyên tắc quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, sống thiếu niềm tin và trách nhiệm với nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Biên bản xác minh ngày 20/3/2023 về tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương cũng xác nhận chị L và anh T thường xuyên mâu thuẫn với nhau, hiện chị L đã bỏ đi làm ăn xa.

Xét thấy, việc chị L và anh T sống ly thân một thời gian dài, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình; mục đích hôn nhân giữa chị L và anh T không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị L đồng ý giao các cháu Vi Thị Hoài N, sinh ngày 08/11/2007 và cháu Vi Thị Hoài T1, sinh ngày 03/07/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Xét thấy, anh Vi Văn T đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Vi Thị Hoài N, Vi Thị Hoài T1 trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân. Anh T có nguyện vọng nếu Toà án giải quyết cho anh và chị L ly hôn thì anh xin được nuôi 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần tiếp tục giao hai cháu Vi Thị Hoài N, sinh ngày 08/11/2007 và Vi Thị Hoài T1, sinh ngày 03/07/2012 cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.6] Về án phí DSST: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Vi Thị Hoài N, sinh ngày 08/11/2007; cháu Vi Thị Hoài T1, sinh ngày 03/07/2012 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở chị L thực hiện quyền này.

Trong trường hợp chị L lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì anh Vi Văn T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Hoàng Thị L.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

3. Về án phí DSST: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm về việc "Ly hôn" được khấu trừ vào 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007117 ngày 22/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS H. Đắk Mil;
- UBND xã Đắk ND` Rót;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hải Âu